

Bản án số: 225/2019/DS-PT

Ngày: 06/8/2019

V/v *Đòi tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Mai Tiến Dũng  
***Các thẩm phán:*** Ông Vũ Viết Văn  
Bà Nguyễn Thị Thúy.  
***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quấn Việt Phương, Thư ký  
Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*** Bà Trần Thị  
Ngoan, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLPT-DS ngày 17/6/2019 về việc "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân quận C.G.bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 197/2019/QĐ-PT ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 261/2019/QĐPT-HPT ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà N.T.H., sinh năm 1976.

Ông N.Đ.T., sinh năm 1975;

Chị N.T.H.i Anh, sinh năm 1996.

Cùng hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn T.P., xã H.K., huyện S.S., thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ô.T., chị H.A.là:* bà N.T.H., sinh năm 1976, hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn T.P., xã H.K., huyện S.S., thành phố Hà Nội. Theo Giấy uỷ quyền lập ngày 11/9/2017.

***Bị đơn***D.L.(viết tắt là Công ty Lotus).

Trụ sở: Số 129B T.Đ.N., phường D.V., quận C.G., thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật là:* Ông N.H.H.– Tổng giám đốc.

Trú tại: thôn 6, xã P.T., huyện Đ.H., tỉnh T.N.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

Anh **H.X.G.**, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn C.H., xã H.H., huyện G.L., tỉnh H.D..

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận C.G., Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:**

***Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo chị N.T.H.trình bày:*** Ngày 30/01/2016 Chị N.T.H.ký hợp đồng đại lý số 17/2016/DML/HĐĐL. Chị N.T.H.i Anh ký hợp đồng đại lý số 16/2016/DML/HĐĐL. Anh N.Đ.T. ký hợp đồng số 15/2016/DML/HĐĐL với công ty Lotus, Đại diện bên đại lý là chị H.đã nộp tiền cho cả 3 Hợp đồng đại lý số: 15, 16, và 17/2016/DML/HĐĐL ngày 30/01/2016 do bên Công ty Lotus soạn thảo. Theo hình thức là bên tham gia bán hàng đại lý thực hiện việc mua, bán trọn vẹn một khối lượng hàng hóa của bên công ty Lotus là trà Đông Trùng Hạ Thảo. Bên đại lý thanh toán 100% giá trị đơn hàng cho bên công ty Lotus.

Ngày 25/2/2016 Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus trích thưởng hoa hồng từ các hợp đồng đại lý cho chị H.số tiền mặt là: 28.480.000 đồng.

Từ ngày ký hợp đồng đại lý và nộp tiền theo yêu cầu vào Công ty Lotus, chị H., anh T.và chị H.A.đã nhiều lần yêu cầu được nhận hàng hóa, nhưng phía Công ty Lotus không có hàng hóa để giao như đã cam kết. Thấy có dấu hiệu bất thường, chị H.đã nhiều lần đến trụ sở Công ty Lotus để yêu cầu chấm dứt hợp đồng đại lý và đòi lại số tiền đã nộp và Công ty Lotus. Nhưng ông HJ.đều không gặp gỡ, tiếp xúc với chị H..

Ngày 30/06/2016 chị H.đã trực tiếp đến trụ sở Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus tìm gặp ông HJ.để hòa giải, thương lượng và yêu cầu “Hủy bỏ” hợp đồng đại lý bán hàng mà hai bên đã ký ngày 30/01/2016. Nhưng ông HJ.lý do đi vắng, không tiếp xúc với chị H..

Ngày 04/7/2016, chị H.tiếp tục gửi thư bảo đảm qua dịch vụ Bưu điện gửi đến ông HJ.một “Thư ngỏ - Thông báo” với nội dung.

“1. Hủy bỏ toàn bộ các hợp đồng đại lý số: 15,16 và 17/2016/DML/HĐĐL ngày 30/01/2016 do N.T.H., Nguyễn Văn Thành và N.T.H.i Anh đứng tên đại lý sau khi ký hợp đồng.

2. Yêu cầu Công ty Lotus chấm dứt ngay việc thực hiện hợp đồng và có nghĩa vụ thanh toán, trả lại đầy đủ tất cả các khoản tiền, tài sản mà các đại lý đã nộp vào Công ty kể từ khi giao kết hợp đồng cho đến nay. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty nhận được thông báo hủy hợp đồng ngày 30/06/2016, đến ngày 14/7/2016. Công ty Lotus phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả lại đầy đủ các khoản tiền và mức bồi thường thiệt hại thực tế cho chúng tôi theo quy định của pháp luật”.

Sau khi nhận được thông báo, ngày 15/7/2016 ông HJ.đã đến gặp chúng tôi tại Chi nhánh Văn phòng Luật sư Đức Năng ở thị trấn S.S. để làm văn bản cam kết, theo đó đã hẹn đến ngày 30/07/2016 sẽ trả cho chị H.số tiền là 40% số tiền nợ, số tiền còn lại là 60% sẽ trả hết cho chị H., anh T.và chị H.A.vào ngày 20/8/2016.

Chị H.yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Đề nghị căn cứ các quy định của pháp luật để tuyên hủy, bỏ các hợp đồng đại lý số 15,16 và 17/2016/DML/HĐDL ngày 30/01/2016 với lý do bên A đã vi phạm hợp đồng. Buộc Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus phải thanh toán, hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã thu từ các hợp đồng đại lý của chị H.. Căn cứ theo “Bản cam kết về trách nhiệm trả lại khoản tiền đã thu nộp theo hợp đồng đại lý do ông HJ.ký ngày 15/7/2016; với tổng số tiền là: 412.000.000 đồng.

2. Đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus phải trả lãi, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thời gian tính từ ngày 15.7.2016 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ tính lãi (tạm tính):

$(412.000.000đ \times 20\%) \times 50\% = 41.000.000$  đồng (bốn mươi một triệu đồng).

3. Yêu cầu Công ty Lotus phải chịu trách nhiệm bồi thường các thiệt hại thực tế đã gây ra đối với chị H.. Trong đó có khoản chi phí thù lao của Luật sư mà chị H.thỏa thuận và đã trả cho Văn phòng Luật sư, theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý số: 012/2016/DVPL ngày 28/6/2016. Thỏa thuận thù lao Luật sư là 30% tổng giá trị tài sản thu hồi được và 20.000.000 đồng chi phí tư vấn, xác minh ban đầu. Cụ thể là 155.900.000 đồng (bằng chữ: hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền chị H.yêu cầu Tòa án buộc Công ty Lotus phải trả cho chị, anh T.và chị H.A.là 608.900.000 đồng (bằng chữ: sáu trăm năm mươi năm triệu chín trăm nghìn đồng).

**Bị Đơn Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus và người đại diện theo pháp luật của công ty ông N.H.H.và ông H.X.G. là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Tòa án đã tiến hành gửi các thông báo và giấy triệu tập một cách hợp lệ. Nhưng ông HJ.và ông Giang đều không đến Tòa án làm việc và không có văn bản ghi ý kiến nào nộp cho Tòa án. Tại bản cam kết ngày 15/7/2016 tại văn phòng luật sư Đức Năng, ông N.H.H.xác nhận có nhận của chị Nguyễn Thị Minh số tiền 440.100.000đ, ông có trách nhiệm thanh toán số tiền trên đến hết ngày 20/8/2016

**Bà D.T.T.là mẹ đẻ của ông N.H.H.trình bày:**

Tại biên bản làm việc ngày 04/01/2016 giữa Tòa án và bà T.tại nhà bà T.ở: thôn 6, xã P.T., huyện Đ.H., tỉnh T.N.. Bà T.trình bày anh HJ.cùng vợ là chị N.T.L.và 2 con trai của anh chị đang ở cùng bà tại thôn 6, xã P.T., huyện Đ.H., tỉnh T.N.. Anh HJ., chị L. đi làm ăn xa, để các con ở nhà cho bà trông nom, cuối tuần anh HJ., chị L. về thăm bà và 2 con.

Về việc kinh doanh của anh Hợp, anh HJ.có nói với bà là Công ty Lotus đã ngừng kinh doanh ở C.G., Hà Nội từ tháng 12 năm 2016. Hiện công ty có còn hoạt động không hay chuyển đi đâu bà không nắm rõ. Bà chỉ trông con cho anh HJ.chứ không tham gia vào công việc kinh doanh của anh Hợp.

Mấy tuần gần đây, anh HJ.có chuyển một số bàn ghế thừa, không dùng đến mang về nhà chứ Công ty Lotus không hoạt động tại nhà bà, tại thôn 6 xã P.T., huyện Đ.H., tỉnh T.N.. Ngoài ra, bà không trình bày gì khác.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân quận C.G.đã quyết định:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.và anh N.Đ.T. và chị N.T.H.i Anh đối với Công ty Lotus

Hủy hợp đồng đại lý số 15/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.Đ.T.; Hợp đồng đại lý số 16/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.T.H.i Anh, và hợp đồng đại lý số 17/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.T.H.với Công ty Lotus..

Buộc công ty Lotus thanh toán trả:

Chị N.T.H.số tiền 239.868.000đ.

Anh N.Đ.T. số tiền 128.449.200đ

Chị N.T.H.i Anh số tiền 128.449.200đ

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận C.G.có Quyết định kháng nghị đối với bản án sơ thẩm về phần án phí và quan hệ pháp luật, áp dụng pháp luật.

**Tại phiên tòa:**

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút nội dung kháng nghị về quan hệ pháp luật, rút một phần nội dung kháng nghị về án phí, giữ nguyên kháng nghị về phần áp dụng pháp luật.

Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, tòa án công bố lời khai của bị đơn.

**Quan điểm của VKS nhân dân thành phố Hà Nội:**

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân quận C.G.về áp dụng pháp luật: Áp dụng nghị quyết 326 về án phí lệ phí. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận C.G. trong hạn luật định về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung: Ngày 30/01/2016 chị H., anh T.và chị H.A.ký hợp đồng đại lý số 15,16,17/2016/DML/HĐDL mang tên bên đại lý là chị H., anh T.và chị H.A.với Công ty Lotus. Sau khi ký hợp đồng chị H.đại diện cho anh T.và chị H.A.đã nộp vào Công ty Lotus tổng cộng là 412.000.000 đồng (trong đó số tiền của chị H.là 190.000.000đ; của anh T.là 111.000.000đ; của chị H.A.là 111.000.000đ) có “Bảng tổng hợp số tiền đầu tư còn lại phải trả của các gói đại lý” ngày 20/05/2016 do ông N.H.H.xác nhận kèm theo. Từ ngày ký hợp đồng đại lý bán hàng và đã nộp tiền theo yêu cầu vào Công ty Lotus, chị H., anh T.và chị H.A.đã nhiều lần yêu cầu được nhận hàng hóa, nhưng phía Công ty Lotus không có hàng hóa để giao như đã cam kết.

Nay chị H., anh T.và chị H.A.khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết hủy bỏ hợp đồng đại lý, buộc Công ty Lotus phải trả cho chị H., anh T.và chị H.A tổng số tiền cả gốc và lãi chậm trả phát sinh tạm tính đến ngày 15/7/2017 là: 608.900.000 đồng.

Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H., anh N.Đ.T., chị N.T.H.i Anh đối với Công ty Lotus. Hủy hợp đồng đại lý số 15/2016/DML/HĐDL mang tên bên đại lý là N.Đ.T.; Hợp đồng đại lý số 16/2016/DML/HĐDL mang tên bên đại lý là N.T.H.i Anh và hợp đồng đại lý số 17/2016/DML/HĐDL mang tên bên đại lý là N.T.H.với Công ty Lotus.

Buộc công ty Lotus thanh toán trả chị N.T.H.số tiền 239.868.000đ, anh N.Đ.T. số tiền 128.449.200đ, chị N.T.H.i Anh số tiền 128.449.200đ là có căn cứ, các đương sự không có kháng cáo. Tại phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm ghi “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.và anh N.Đ.T. và chị N.T.H.i Anh đối với Công ty Lotus” là chưa chính xác vì Quyết định của bản án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận C.G.: Hội đồng xét xử không xem xét phần nội dung mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phúc thẩm, rút một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận C.G.về quan hệ pháp luật, về án phí đối với nội dung kháng nghị Tòa án không buộc bị đơn phải chịu án phí hủy hợp đồng đại lý là 3.000.000đ.

Xem xét nội dung kháng nghị của VKS quận C.G.về việc Tòa án không áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và việc Tòa án không buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận, nhận thấy: Ngày 15/7/2016 tại Văn phòng luật sư Đức Năng ông HJ.đại diện Công ty Lotus đã thỏa thuận trả lại chị H.thay mặt cho chị H.A.và anh T.số tiền đã nhận là 412.000.000đ như vậy thể hiện hai bên đã có thỏa thuận về việc hai bên cùng thống nhất không tiếp tục thực hiện hợp đồng đại

lý, chấm dứt hợp đồng đại lý được chị N.T.H., anh N.Đ.T. và chị N.T.H.i Anh ký ngày 30/01/2016 và đã chốt nợ bằng Biên bản thỏa thuận ngày 15/7/2016. Theo thỏa thuận Công ty Lotus trả chị H. số tiền trên chậm nhất đến ngày 20/8/2016, nhưng công ty Lotus không trả nên chị H., anh T. và chị H.A. yêu cầu khởi kiện để đòi số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Tính đến ngày 15/7/2016 Công ty Lotus còn nợ chị N.T.H., anh N.Đ.T. và chị N.T.H.i Anh số tiền là 412.000.000đ. Đến hạn thanh toán ngày 20/8/2016 do bị đơn không thanh toán nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bị đơn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định của BLDS là đúng quy định, các đương sự không có kháng cáo.

Do các bên đã chốt nợ bằng Biên bản thỏa thuận ngày 15/7/2016 nên các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng đại lý do đó nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng đại lý đã ký kết là có căn cứ, bản án sơ thẩm xác định hợp đồng đại lý vô hiệu là không chính xác, cần sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy bỏ hợp đồng là đúng quy định.

Vụ án dân sự sơ thẩm được thụ lý giải quyết ngày 4/12/2017 nên được áp dụng theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tại khoản 2 Điều 47 nghị quyết 326 quy định: “Kể từ ngày 1/1/2017, khi thụ lý những vụ việc dân sự .... được thực hiện theo quy định của nghị quyết này”. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là không chính xác.

Theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nguyên đơn phải chịu án phí đối với những yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị H. yêu cầu Công ty Lotus phải trả: 291.700.000 đồng; Anh T. và chị H.A. yêu cầu Công ty Lotus phải trả cho mỗi người 158.730.000 đồng.

Như vậy, nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận, đối với yêu cầu của chị H. là 291.700.000 đồng, được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 239.868.000đ, số tiền không được chấp nhận là 51.832.000đ. Yêu cầu của anh T. là 158.730.000 đồng, được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 128.449.200đ, số tiền không được chấp nhận là 30.310.800đ. Yêu cầu của chị H.A. là 158.730.000 đồng, được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận số tiền 128.449.200đ, số tiền không được chấp nhận là 30.310.800đ. Do vậy, án phí chị H. phải chịu là 2.591.000đ, án phí anh T. phải chịu là 1.515.000đ, án phí chị H.A. phải chịu là 1.515.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H., anh Thành, chị H.A. đã nộp.

Kháng nghị của VKS nhân dân quận C.G.về nội dung áp dụng pháp luật và án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận của nguyên đơn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên áp dụng Khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DSST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân quận C.G..

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 423, 425, 427; khoản 1 Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự;  
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Xử:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N.T.H.và anh N.Đ.T., chị N.T.H.i Anh đối với Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus.

- Hủy bỏ hợp đồng đại lý số 15/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.Đ.T.; Hợp đồng đại lý số 16/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.T.H.i Anh, và hợp đồng đại lý số 17/2016/DML/HĐĐL mang tên bên đại lý là N.T.H.với Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus.

- Buộc Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus phải thanh toán trả:

Chị N.T.H.số tiền 239.868.000đ.

Anh N.Đ.T. số tiền 128.449.200đ

Chị N.T.H.i Anh số tiền 128.449.200đ

**2.** Về án phí: Công ty TNHH đầu tư và thương mại Diamond Lotus phải chịu 25.171.348 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị N.T.H.phải chịu là 2.591.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.293.000 đồng theo biên lai số 5478 ngày 22/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.G.. Chị H.được trả lại 4.702.000 đồng.

Anh N.Đ.T. và chị N.T.H.i Anh mỗi người phải chịu 1.515.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 3.970.000 đồng theo biên lai số 5479 và 5480 ngày 22/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C.G.. Anh Thành, chị H.A.mỗi người được trả lại 2.455.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận C.G.;
- Chi cục THADS quận C.G.;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Mai Tiến Dũng**